TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẤT ĐỎ** **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 24-08-2017
V/v:ly hôn giữa bà H
và ông H

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà: Ông Ngô Diệp Lai

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Trọng

Bà Huỳnh Thị Thuận

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Nguyễn Duy Đạt -Thư ký TAND huyện Đất Đỏ, tỉnh BRVT.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh BR-VT tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Khuê - Kiểm sát viên.

Ngày 24-08-2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh BRVT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 66/2017/TLST-HNGĐ ngày 24-03-2017 về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 21-07-2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2017/QĐST-HNGĐ ngày 08-08-2017 và Quyết định thay đổi kiểm sát viên tham gia phiên tòa số 05/QĐTĐ-KSV-VKS ngày 21-08-2017 của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn*: Bà Huỳnh Thị H -sn:1986 (có mặt)

Địa chỉ: ấp C, xã L, huyện Đất Đỏ, tỉnh BRVT.

Chổ ở: thôn 1, xã S, huyện Châu Đức, tỉnh BRVT.

-*Bị đơn*:Ông Trần Văn H -sn:1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp C, xã L, huyện Đất Đỏ, tỉnh BRVT.

-*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

Ông Trần Văn H1(1964) và Bà Nguyễn Thị Hồng H(1968)

(đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: ấp C, xã L, huyện Đất Đỏ, tỉnh BRVT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Tại đơn khởi kiện đề ngày 22-3-2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Huỳnh Thị H trình bày:

Về hôn nhân:Bà H và ông H tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đất Đỏ, tỉnh BRVT theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 95 ngày 27-10-2005. Sau khi lấy nhau bà H và ông H về chung sống với gia đình ông H tại xã L. Bà H và ông H chung sống hạnh phúc đến giữa năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẩn, nguyên nhân do ông H thường xuyên uống rượu về say xỉn, ghen tuông vô cớ đánh đập bà H nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, vợ chồng đã nhiều lần tự giảng hòa nhưng không được, cha mẹ ông H khuyên can nhưng ông H vẫn không nghe. Từ giữa năm 2016 bà H và ông H đã sống ly thân, bà H về nhà cha mẹ ruột ở Châu Đức sinh sống, nay bà H cảm thấy giữa hai bên không còn tình cảm, không còn quan tâm tới nhau nữa nên bà H đề nghị được ly hôn với ông H.

Về nuôi con chung:Bà H và ông H có 01 con chung là Trần Văn H2, sinh ngày 17-08-2006. Từ khi ly thân cháu Hai sống với gia đình ông H để đi học từ thứ 2 đến thứ 6, cuối tuần bà H đưa cháu về Châu Đức với bà H, Hiện con chung đang sống cùng ông H, bà H đồng ý để ông H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung, bà H không cấp dưỡng nuôi con chung. Bà H làm nghề nông, thu nhập mỗi ngày khoảng 200.000đ nên mỗi tháng cũng được 6.000.000đ, bà H không có chứng cứ gì để chứng minh cho thu nhập của mình.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H và ông H không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

-Tại biên bản lấy lời khai ngày 19-4-2017 và trong quá trình giải quyết tại Tòa án, bị đơn ông Trần Văn H trình bày:

Về hôn nhân:Ông H thống nhất như lời trình bày của bà H về thời gian và điều kiện kết hôn. Về nguyên nhân mâu thuẩn theo ông H thì đôi lần khi uống rượu về ông H thấy bà H nói chuyện với người khác qua điện thoại nên có ghen tuông lớn tiếng chửi bà H nên có xảy ra cải qua cãi lại, ông H thấy mâu thuẩn vợ chồng không có gì, vợ chồng ngồi lại có thể hàn gắn tình càm được. Ông H và bà H có ngồi lại nói chuyện với nhau nhưng vợ chồng không tự hòa giải được. Tuy từ giữa năm 2016 ông H và bà H đã ly thân với nhau nhưng ông H thấy mình còn rất yêu vợ, yêu con nên nay bà H yêu cầu ly hôn thì ông H không đồng ý ly hôn.

Về nuôi con chung:Ông H thống nhất như bà H trình bày. Tiền ăn học của con chung do cha mẹ ông H chu cấp. Hiện con chung đang sống cùng ông H, nếu ly hôn ông H yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bà H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Ông H làm nghề đi biển, mỗi chuyến biển từ 2 đến 3 tháng, mỗi tháng thu nhập khoảng 8.000.000đ nên đủ nuôi con ăn học, ông H không có chứng cứ gì để chứng minh minh cho thu nhập của mình.

Về tài sản chung và nợ chung:Ông H và bà H không có nên nếu ly hôn thì không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay dù đã được triêu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông H vẫn vắng mặt.

-Tại biên bản lấy lời khai ngày 20-4-2017, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn H1và bà Nguyễn Thị Hồng Htrình bày:

Ông H là con trai và bà H là con dâu của ông H1 và bà H. Sau khi lấy nhau năm 2005 thì vợ chồng ông H, bà H về chung sống với ông H1, bà H, đến giữa năm 2016 thì hai bên xảy ra mâu thuẩn nên bà H về nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Vợ chồng ông H, bà H có 01 con chung là Trần Văn H2, từ khi vợ chồng ông H và bà H ly thân thì từ thứ 2 đến thứ 6 cháu Hai sống với gia đình ông H1, bà H để đi học cho gần, đến chiều thứ 6 bà H đón cháu Hai về ở với bà H. Chi phí ăn học của cháu Hai do ông H1, bà H lo hết. Đối với chi phí này nếu bà H, ông H ly hôn thì ông H1, bà H không có yêu cầu phải trả lại cho ông H1, bà H. Ngoài ra ông H1, bà H không có gì để trình bày thêm.

Ông H1 và bà H có đơn xin xét xử vắng mặt.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh BRVT tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Việc Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ thụ lý vụ án là đúng theo quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX cũng như việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án này đúng theo những quy định của BLTTDS, tuy nhiên bị đơn không chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ của mình theo pháp luật, không có mặt tại các phiên tòa.

Về nội dung: Về yêu cầu của nguyên đơn thì thấy hôn nhân giữa các bên là hôn nhân hoàn toàn hợp pháp, qua chứng cứ có trong hồ sơ và trình bày tại phiên tòa hôm nay có cơ sở xác định tình trạng mâu thuẩn giữa các bên đã lâm vào tình trạng trầm trọng không thể hàn gắn được, hai bên đã không còn quan tâm chăm

sóc lẫn nhau, mạnh ai nấy sống mục đích hôn nhân không đạt nên có cơ sở chấp nhận theo yêu cầu của nguyên đơn là được ly hôn với bị đơn. Vợ chồng có 01 con chung, hai bên thỏa thuận ông H nuôi con chung và không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con chung, con chung cũng có nguyện vọng sống với ông H nên có cơ sở chấp nhận theo sự thống nhất của hai bên. Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Từ phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận theo yêu cầu của bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh BRVT nhận định:

[1]*Về thẩm quyền*:Đây là quan hệ về tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn và bị đơn trú tại huyện Đất Đỏ, tỉnh BRVT nên căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh BRVT.

[2]*Về tố tụng*:Ông H đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt còn ông H1 và bà H có đơn xin xét xử vắng mặt hợp lệ (BL 20) nên tiến hành xét xử vắng mặt ông H, ông H1 và bà H là đúng theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3]*Về yêu cầu*:

[3.1]*Về hôn nhân*:Hôn nhân giữa bà H và ông H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đất Đỏ, tỉnh BRVT theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 95 ngày 27-10-2005 (BL 05, 06) nên là hôn nhân hoàn toàn hợp pháp. Về mâu thuẩn vợ chồng theo bà H thì do ông H thường xuyên uống rượu về say xỉn, ghen tuông vô cớ đánh đập bà H nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, vợ chồng đã nhiều lần tự giảng hòa nhưng không được, cha mẹ ông H khuyên can nhưng ông H vẫn không nghe. Từ giữa năm 2016 bà H và ông H đã sống ly thân, bà H về nhà cha mẹ ruột ở Châu Đức sinh sống, nay bà H cảm thấy giữa hai bên không còn tình cảm, không còn quan tâm tới nhau nữa nên bà H đề nghị được ly hôn với ông H. Còn theo ông H thì đôi lần khi uống rượu về ông H thấy bà H nói chuyện với người khác qua điện thoại nên có ghen tuông lớn tiếng chửi bà H nên có xảy ra cải qua cãi lại, ông H thấy mâu thuẩn vợ chồng không có gì, vợ chồng

ngồi lại có thể hàn gắn tình càm được. Ông H và bà H có ngồi lại nói chuyện với nhau nhưng vợ chồng không tự hòa giải được. Tuy từ giữa năm 2016 ông H và bà H đã ly thân với nhau nhưng ông H thấy mình còn rất yêu vợ, yêu con nên nay bà H yêu cầu ly hôn thì ông H không đồng ý ly hôn. Qua trình bày về mâu thuẩn vợ chồng giữa các bên thể hiện trong cuộc sống vợ chồng thực tế đã xảy ra mâu thuẩn, vợ chồng không tôn trọng lẫn nhau, xúc phạm nhau, đánh đập nhau, điều nay cũng phù hợp với xác minh thực tế tại địa phương nơi vơ chồng chung sống thể hiện vợ chồng có xảy ra mâu thuẩn, hiện bà H không còn chung sống với ông H (BL 26), các bên cũng thừa nhận đã nhiều lần ngồi lại nói chuyện, giảng hòa nhưng không H1 giải được nên xét thấy vợ chồng chung sống xảy ra mâu thuẩn trầm trọng, không tôn trọng và quan tâm lẫn nhau, đã sống ly thân nên theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì yêu cầu của bà H là có cơ sở nên chấp nhận theo yêu cầu của bà H là được ly hôn với ông H.

[3.2]*Về nuôi con chung*:Bà H và ông H thống nhất có 01 con chung Trần Văn H2sinh ngày 17-08-2006 (BL 04). Hiện con chung đang sống cùng ông H. Các bên cùng thống nhất là ly hôn thì ông H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung và ông H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, điều này phù hợp với nguyện vọng của con chung là được sống cùng ông H (BL 23), xét thấy việc thống nhất này không trái với quy định của pháp luật nên căn cứ vào quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84, 85, 116 và 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên ghi nhận. Còn về chi phí để cho cháu Hai ăn học trong quá trình bà H và ông H sống ly thân với nhau thì các bên có liên quan không có yêu cầu gì nên không xem xét.

[3.3]*Về tài sản chung và nợ chung*:Bà H và ông H đều xác nhận không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

[4]*Về án phí*:Do là nguyên đơn nên bà H phải chịu án phí ly hôn theo loại án phí không có giá ngạch được quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27, tiểu mục 1.1, Mục 1, Phần II(Danh mục án phí)Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5]*Về quyền kháng cáo*:Bà H, ông H, ông H1 và bà H được quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

-Các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84, 85, 116 và 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

-khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

-điểm a khoản 5 Điều 27, tiểu mục 1.1, Mục 1, Phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số:326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

-Chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Thị H đối với ông Trần Văn H.

1. Về hôn nhân: Bà Huỳnh Thị H được ly hôn với ông Trần Văn H.

2. Về nuôi con chung: Bà H và ông H có 01 con chung là Trần Văn H2 sinh ngày 17-8-2006, hiện con chung đang sống cùng ông H. Ông H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bà H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn bà H, ông H đều có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung. Bà H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì quyền lợi của con chung, trong trường hợp cần thiết theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà H và ông H xác nhận không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. Về án phí: Bà H phải chịu 300. 000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300. 000đ (ba trăm ngàn đồng) mà bà H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0003384 ngày 22-3-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ. Bà H đã nộp đủ án phí ly hôn.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án,đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh BRVT;
-VKSND tỉnh BRVT;
-VKSND huyện Đất Đỏ;
-Chi Cục THADS huyện Đất Đỏ;
-UBND Láng Dài, Đất Đỏ, BRVT;
-Người tham gia tố tụng;
-Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Ngô Diệp Lai